

Bản án số: 25/2026/HS-ST
Ngày 19-3-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 –ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bông

2. Ông Trương Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thiên Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 –Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 –Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phan Duy Công - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 –Đà Nẵng tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 33/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2026/QĐXXST-HS ngày 03-3-2026 đối với các bị cáo:

1/ Lê Văn T, sinh ngày 13 tháng 3 năm 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 8, xã Lãnh N, thành phố Đ; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Phước H (chết) và bà Lê Thị M (chết); Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Đà Nẵng.

2/ Nguyễn Văn S, sinh ngày 18 tháng 6 năm 1976; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 8, xã Lãnh N, thành phố Đ; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn N (chết) và bà Nguyễn Thị M (chết); Vợ Đồng Thị A, sinh năm 1979; có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 01/10/2024, bị Công an huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, số tiền 6.500.000 đồng.

Nhân thân: Ngày 16/4/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt 03 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” tại Bản án hình sự số 14/2007/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm

giam số 2 Công an thành phố Đà Nẵng.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Bá L, sinh năm 1983. Địa chỉ: thôn An Trung, xã Tp, Đ. Văng mặt.

2. Nguyễn Quốc V, sinh năm 1983. Địa chỉ: thôn 8, xã Lãnh N, thành phố Đ. Văng mặt.

3. A T, sinh năm 1996. Địa chỉ: thôn Long Năng, xã Ngọc L, tỉnh Quảng Ngãi. Văng mặt.

4. A Đ, sinh năm 2002. Địa chỉ: thôn Long Năng, xã Ngọc L, tỉnh Quảng Ngãi. Văng mặt.

5. Zơ Râm N, sinh năm 1996. Địa chỉ: thôn Pà Rum, xã Nam G, thành phố Đ. Văng mặt.

6. Nguyễn Văn T, sinh năm 1980. Địa chỉ: thôn 3, xã Lãnh N, thành phố Đ. Văng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 06 giờ 30 ngày 24/4/2025, Tổ công tác Phòng PC03 Công an tỉnh Quảng Nam (cũ) tiến hành kiểm tra tại khu vực bãi Nà Cau thuộc khoảnh 11, tiểu khu 556, xã T Lãnh, T Phước, Quảng Nam cũ (nay là xã Lãnh N, thành phố Đ) phát hiện có bãi khai thác vàng trái phép. Tại khu vực khai thác, Tổ công tác phát hiện 01 hầm lò đã đào sâu vào trong núi khoảng 20m, 01 máy hơi sử dụng để khai thác đá trong hầm, 01 máy xay nghiền đá, 01 phễu để phục vụ xay đá, lọc lấy quặng. Tại hiện trường, Nguyễn Văn S đang chỉ đạo công việc cho 05 (năm) đối tượng khác, gồm: Nguyễn Văn T; Zơ Râm N; Lê Đình Tùng; A T; A Đ đưa đá lên phễu xay, lọc lấy quặng để đãi vàng. Qua kiểm tra bên trong hầm lò, Tổ công tác phát hiện: 02 ống chứa hạt màu trắng, chiều dài khoảng 15cm có gắn dây điện màu đỏ và gắn vật nghi là kíp nổ; 01 túi ni lông chứa chất dạng hạt nhỏ màu trắng (nghi thuốc nổ). Tại thời điểm kiểm tra, các đối tượng không cung cấp được giấy phép gì liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản đang thực hiện. Tổ công tác lập biên bản làm việc và tạm giữ các đồ vật, phương tiện liên quan.

*** Đồ vật, tài liệu tạm giữ:**

- 02 (hai) thỏi hình trụ tròn (vỏ bằng ni lông màu trắng, bên ngoài quấn dây thun màu vàng) chứa chất hạt màu trắng, dài khoảng 15cm có gắn dây điện màu đỏ và gắn vật nghi kíp nổ.

- 01 (một) bao ni lông, bên trong có chứa chất hạt màu trắng;

- 122kg (một trăm hai mươi hai kilogam) quặng đá nghi có chứa hàm lượng vàng;

- 01 (một) máy nổ, màu xanh – đỏ, kích thước (47x77x55)cm (trong quá trình vận chuyển đã được tháo rời các chi tiết máy dẫn đến không hoạt động được, không kiểm tra số lượng các chi tiết và chất lượng bên trong máy);

- 01 (một) máy nổ, màu xanh, kích thước (47x77x55)cm (trong quá trình vận chuyển đã được tháo rời các chi tiết máy dẫn đến không hoạt động được, không kiểm tra số lượng các chi tiết và chất lượng bên trong máy).

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A23, kiểu thiết bị: SM-A235F/DS, số seri: R58T42TJ60V, bên trong có gắn sim số: 0948479144 tạm giữ của Nguyễn Văn S;

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy S21 FE, màu đen, số seri: R5CT71E3RNZ, bên trong có gắn sim số: 0977507877 tạm giữ của Lê Văn T;

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7 Plus, số máy: NNQP2VN/A, số seri: FYMC3O2CHGO6, bên trong gắn sim số 0911540797 tạm giữ của Lê Bá L;

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A12, kiểu máy: CPH2077, số seri: E6HMZSKNC07H59HQ, bên trong gắn sim số 0983555661 tạm giữ của Lê Bá L;

- 01 (một) điện thoại di động, màu đen, kiểu máy: Raisecom T189, số IMEI 1: 350585690257288, số IMEI 2: 350585690457334 tạm giữ của Lê Bá L.

Tại Phiếu kết quả thử nghiệm số: 25E04TND00657-01 ngày 10/5/2025 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol tại Đà Nẵng (đơn vị được Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam trưng cầu giám định hàm lượng vàng trong các mẫu quặng đã được khai thác thu giữ tại hiện trường) và Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐDGTS ngày 25/11/2025 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự xã Lãnh N, thành phố Đ kết luận: 03 mẫu quặng thu tại hiện trường gửi giám định tìm thấy hàm lượng vàng và có giá trị (vào thời điểm cần định giá ngày 24/4/2025) lần lượt như sau:

- Mẫu số 1: khối lượng 15kg quặng, có hàm lượng vàng là 0.8gam/tấn, giá trị là 31.040 đồng;

- Mẫu số 2: khối lượng 14kg quặng, có hàm lượng vàng là 0.6gam/tấn, giá trị là 21.728 đồng;

- Mẫu số 3: khối lượng là 93kg quặng, có hàm lượng vàng là 3g/tấn, giá trị là 721.680 đồng.

Tại Kết luận giám định số: 722/KL-KTHS ngày 13/5/2024 của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng kết luận: 02 thỏi hình trụ tròn gửi giám định đều là vật liệu nổ tự chế, thuộc vật liệu nổ và hiện tại còn sử dụng được;

Chất hạt màu trắng gửi giám định là thuốc nổ tự chế (dạng ANFO), khối lượng 1,34kg (một phẩy ba mươi bốn kilogam), thuộc vật liệu nổ và hiện tại còn sử dụng được.

Ngày 22/8/2025, Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng có Công văn số 443A/C09C xác định: khối lượng thuốc nổ trong 02 thỏi hình trụ tròn gửi giám định là 229,9 gam; khối lượng thuốc nổ Anfo trong túi ni lông là 1.341,3 gam.

Quá trình điều tra xác định:

Khoảng tháng 02/2025, Lê Văn T và Lê Bá L góp vốn để tiến hành khai thác khoáng sản vàng trái phép tại khu vực bãi Nà Cau, xã Lãnh N, thành phố Đ bằng cách tận dụng lại hầm lò khai thác cũ đã có trước đó. Theo thỏa thuận, Tám góp số tiền 20.000.000 đồng, L góp số tiền 10.000.000 đồng. Tám là người trực tiếp thuê nhân công, quản lý, giám sát, theo dõi, giao nhiệm vụ cho số công nhân, quản lý, sử dụng tiền góp vốn để chi vào việc mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác; L chỉ tham gia góp vốn. Số tiền lợi nhuận có được từ việc khai thác được chia theo tỷ lệ phần trăm góp vốn. Sau đó, Tám thuê Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Zơ Râm N và Nguyễn Quốc V làm công nhân trong việc khai thác vàng tại bãi Nà Cau. Đến khoảng giữa tháng 3/2025, khi tiến hành khai thác được khoảng 05 - 07 ngày thì Nguyễn Văn S và Nguyễn Quốc V đặt vấn đề xin tham gia góp vốn trong việc khai thác tại bãi thì Tám, L đồng ý. Sau khi có thêm Sự và V cùng tham gia góp vốn, trong những lần gặp nhau, Tám có nói riêng với Sự, V, L là mỗi người góp số tiền bằng nhau để được hưởng lợi nhuận 25% từ sản phẩm vàng khai thác được và số tiền mỗi người góp vốn ban đầu là 20.000.000 đồng. Nguyễn Văn S đã đưa cho Tám 02 chỉ vàng để chung tiền góp vốn, Tám mang số vàng này đi bán được 18.600.000 đồng. Lê Bá L góp thêm số tiền 22.000.000 đồng, tổng cộng L đã góp 32.000.000 đồng và Nguyễn Quốc V góp số tiền 15.000.000 đồng. Tám, L, V, Sự thỏa thuận phân công nhiệm vụ như sau:

- Lê Văn T có nhiệm vụ thu, quản lý nguồn vốn góp; tìm thuê nhân công đưa đến bãi khai thác; mua sắm, chuẩn bị máy móc, thiết bị, công cụ, phương tiện để thực hiện hoạt động khai thác vàng.
- Nguyễn Văn S có nhiệm vụ quản lý, trông coi tại bãi khai thác, phân công nhiệm vụ cho nhân công và trực tiếp tham gia hoạt động khai thác vàng.
- Nguyễn Quốc V làm nhiệm vụ nấu ăn cho nhân công tại bãi.
- Lê Bá L do đang bận việc gia đình phải giải quyết trong giai đoạn này nên chỉ tham gia góp tiền, không thực hiện nhiệm vụ cụ thể gì.

Các đối tượng bắt đầu thực hiện việc khai thác vàng tại khu vực trên từ khoảng giữa tháng 3/2025 trên cơ sở tận dụng hầm lò có sẵn được bỏ lại trước đó và khai thác sâu thêm khoảng 10m. Đồng thời, Tám thuê thêm A Đ, A T (tên gọi khác: A Cường) và một số công nhân khác (đều trú tại tỉnh Quảng Ngãi) đến làm việc.

Hằng ngày, Sự phân công công nhân vào bên trong hầm lò, sử dụng máy đục hơi để đục đá và vận chuyển đá ra bên ngoài hầm lò. Sau đó, tiến hành lựa chọn số đá có quặng để thực hiện việc xay đá (số đá không có quặng thì thải ra phía dưới khu vực suối Nà Cau). Sau khi xay đá xong, sẽ có công nhân sử dụng ống nhựa kèm nước để thu gom khối lượng đá đã xay đến bể lóng để phục vụ việc tách lấy quặng vàng. Sau khi lóng xong, Sự sẽ liên hệ với Tám để Tám thuê người đến thực hiện việc tách lấy quặng vàng.

Cũng vào khoảng giữa tháng 3/2025, trên đường đi vào bãi Nà Cau (đoạn xuống dốc), Tám nhặt được một túi ni lông màu đen bên trong có 05 (năm) chiếc kíp nổ điện. Tám mang chiếc túi ni lông màu đen có chứa 05 kíp nổ điện đến cất giấu tại vị trí trên vách trần của hầm lò khai thác, cách cửa hầm lò khoảng 03-04m, bên trái theo hướng từ ngoài vào trong. Khoảng 05 ngày sau, Tám đến xã Tam Lãnh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam (cũ), trong lúc uống nước tại một quán ven đường (không nhớ rõ vị trí, tên quán) Tám có gặp Tuấn (là bạn bè ngoài xã hội, không rõ nhân thân lai lịch, số điện thoại liên hệ). Quá trình trò chuyện, Tám có nói với Tuấn: hiện tại đang góp vốn làm vàng, cần tìm mua ít đạ để phá đá nhưng không biết mua ở đâu. Tuấn trả lời là Tuấn biết chỗ mua và yêu cầu Tám đưa tiền trước, một lát sẽ có người mang đến. Khi nghe Tuấn nói vậy, Tám nói với Tuấn muốn mua 02kg đạ, Tuấn yêu cầu Tám trả số tiền 2.000.000 đồng thì Tám đã đưa cho Tuấn số tiền 2.000.000 đồng, Tuấn cầm tiền và rời đi. Khoảng 30 phút sau, Tám thấy có người điều khiển xe mô tô (không rõ nhãn hiệu, biển kiểm soát) mang theo một chiếc bao ni lông màu xanh để ở ven đường gần quán. Khi Tám đi ra thì người này đã điều khiển xe rời đi, chỉ để lại chiếc bao ni lông màu xanh ở ven đường, Tám đến và mở chiếc bao ni lông màu xanh này ra và thấy bên trong có một túi ni lông trong suốt chứa các hạt màu trắng, Tám biết đây là đạ mà Tuấn mua giúp nên đã mang về cất giấu trong hầm lò khai thác (bên cạnh vị trí cất giấu 05 kíp nổ). Sau khi mang 02kg đạ đến cất giấu bên trong hầm lò xong, Tám nói với Sự là “đồ làm” (tức thuốc và kíp nổ) thì Tám để trên trần hầm, khi nào gặp chỗ đá cứng thì Sự lấy mà làm. Sự nghe và hiểu ý Tám nói là kíp nổ và chất đạ để chế tạo quả nổ Tám để ở trên trần hầm, khi nào gặp đá cứng không đục được thì Sự lấy ra làm mìn phá đá.

Vào giữa tháng 4/2025 (khoảng 10 ngày trước khi Tổ công tác kiểm tra), do bên trong hầm lò gặp đá cứng không thể khoan đục được nên A T cùng với A Đ xúc đá để N xây đá ở phía trước hầm lò khai thác thì Sự đi đến khu vực hầm lò khai thác và yêu cầu T vào bên trong hầm lò để khoan lỗ. T đi vào bên trong hầm lò để khoan lỗ theo yêu cầu của Sự và khoan được 03 lỗ khoan (mỗi lỗ khoan có đường kính khoảng 5cm chiều sâu lỗ khoan khoảng từ 50cm đến 60cm). Quá trình T khoan lỗ bên trong hầm lò thì Sự cũng ở bên trong hầm lò khai thác. Vị trí T đứng khoan lỗ là cuối hầm lò, cách vị trí Sự đứng khoảng 5m. Lúc này, Sự lấy bao ni lông chứa kíp nổ và bao ni lông chứa “chất đạ” mà Tám cất giấu trên vách trần hầm lò khai thác xuống, sử dụng một khối lượng “chất đạ” trộn với dầu diesel, dùng bao ni lông cuộn lại thành hình ống và đổ “chất đạ” đã trộn với dầu diesel vào trong ống, mỗi ống gắn 01 chiếc kíp nổ tạo thành một thỏi mìn. Sau khi khoan lỗ xong, T đi ra khỏi hầm lò và tiếp tục cùng với Đ phụ giúp N xây đá, T kể lại cho Đ biết việc T đã vào bên trong hầm lò khoan được 03 lỗ và kể cho N nghe việc T nhìn thấy Sự đang làm mìn. Khi nghe T kể lại thì N có trả lời: “thấy họ làm thì đừng ở, nguy hiểm, nổ chết người”. Một lúc sau, Sự từ trong hầm lò đi ra trước cửa miệng hầm lò khai thác, Sự dùng một đầu của sợi dây điện đấu nối với đầu dây điện được gắn trong thỏi mìn đã chế tạo, rồi đi vào trong hầm lò đặt các thỏi mìn vào các lỗ khoan mà T đã khoan. Sau đó, Sự đi ra khỏi hầm lò và cầm dây điện đã được nối với các thỏi mìn trên vào ổ điện (điện máy nổ) để kích nổ thì thỏi

mìn phát nổ, cửa hầm lò rung lắc, khói dày đặc lan từ bên trong hầm lò ra ngoài miệng hầm. Sau khi nổ mìn thì Sự rời đi. Do khói trong hầm lò chưa tan hết, không thể tiếp tục làm việc nên T, Đ, N về lại khu vực lán trại.

Tổng khối lượng quặng đá các đối tượng đã khai thác đưa ra máy nghiền là 122kg. Tuy nhiên, đến khi bị Tổ công tác phát hiện vào ngày 24/4/2025 thì quá trình khai thác chưa tạo ra được thành phẩm là kim loại vàng.

Với các tình tiết nêu trên, tại Bản cáo trạng số 19/CT-VKS-P1 ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn S về tội “Tàng trữ, chế tạo, sử dụng trái phép vật liệu nổ” theo khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn S phạm tội “Tàng trữ, chế tạo, sử dụng trái phép vật liệu nổ”.

Đối với bị cáo Lê Văn T, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 305, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 15 đến 18 tháng tù.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn S, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 305, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 15 đến 18 tháng tù.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt trong quá trình lượng hình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn S không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn S đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội giống như bản Cáo trạng đã truy tố. Như vậy, lời thừa nhận của bị cáo Nguyễn Văn S cũng như lời thừa nhận của bị cáo Lê Văn T phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập hợp pháp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng giữa tháng 3 năm 2025, để phục vụ cho việc khai thác vàng trái phép, bị cáo Lê Văn T đã đem 05 kíp nổ điện và 02 kg thuốc nổ tự

chế Anfo đến cất giấu trên vách trần của hầm lò khai thác vàng tại khu vực bãi Nà Cau thuộc khoảnh 11, tiểu khu 556, xã Lãnh N, thành phố Đ, mục đích là để cho Nguyễn Văn S trong quá trình khai thác gặp đá cứng thì sử dụng làm mìn phá đá. Trong quá trình khai thác, Nguyễn Văn S đã sử dụng 03 kíp nổ và thuốc nổ mà Tám mang đến chế tạo thành các thỏi mìn tự chế và cho nổ để phá đá, còn lại 02 thỏi mìn tự chế bên trong chứa 229,9 gam thuốc nổ anfo, có gắn 02 kíp nổ điện thuốc vật liệu nổ và còn sử dụng được cùng với 01 túi ni lông chứa 1.341,3 gam thuốc nổ anfo tự chế chưa sử dụng, Tám và Sự tiếp tục cất giấu trên vách trần hầm lò đến ngày 24/4/2025, Tổ công tác Phòng PC03 Công an tỉnh Quảng Nam (cũ) kiểm tra, phát hiện thu giữ.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn S đủ yếu tố cấu thành tội “Chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ” quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Khẳng định Cáo trạng số 19/CT-VKS-P1 ngày 24/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[2.2] Xét thấy, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về các vật liệu nổ mà còn gây mất trật tự an toàn công cộng nên cần phải xử phạt các bị cáo mức án thật nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3] Xét, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy:

[2.3.1] Đối với bị cáo Lê Văn T: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có mẹ ruột tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được hưởng chế độ trợ cấp một lần của Bộ Tư lệnh Quân khu 5. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Do đó, trong quá trình lượng hình sẽ xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[2.3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Văn S: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 nhưng có nhân thân xấu, bị cáo có 01 tiền sự về hành vi Cố ý gây thương tích, vào năm 2007 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt tù cũng liên quan đến vật liệu nổ, quá trình điều tra bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình đến tại phiên tòa bị cáo mới thành khẩn khai báo, thừa nhận về hành vi phạm tội, do đó Hội đồng xét xử cũng áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 nhưng ở mức độ để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[2.4] Về xử lý vật chứng vụ án:

- Đối với 02 thỏi hình trụ tròn (vỏ bằng ni lông màu trắng, bên ngoài quấn dây thun màu vàng); bên trong 02 thỏi chứa tổng khối lượng thuốc nổ tự chế dạng Anfo là 229,9gam và 02 kíp nổ điện; 1,34kg thuốc nổ tự chế dạng Anfo, cần tịch thu giao cho Bộ chỉ huy quân sự thành phố Đà Nẵng xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A23, kiểu thiết bị: SM-A235F/DS, số seri: R58T42TJ60V, bên trong có gắn sim số: 0948479144 tạm giữ của Nguyễn Văn S và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy S21 FE, màu đen, số seri: R5CT71E3RNZ, bên trong có gắn sim số: 0977507877 tạm giữ của Lê Văn T, xét thấy các bị cáo sử dụng làm phương tiện liên lạc trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước 02 điện thoại di động này và tiêu hủy 02 sim.

- Đối với điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7 Plus, số máy: NNQP2VN/A, số seri: FYMC3O2CHGO6, bên trong gắn sim số 0911540797; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A12, kiểu máy: CPH2077, số seri: E6HMZSKNC07H59HQ, bên trong gắn sim số 0983555661 và 01 điện thoại di động, màu đen, kiểu máy: Raisecom T189, số IMEI 1: 350585690257288, số IMEI 2: 350585690457334 tạm giữ của Lê Bá L, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Lê Bá L là phù hợp.

- Đối với 122kg quặng đá nghi có chứa hàm lượng vàng; 01 máy nổ, màu xanh – đỏ, kích thước (47x77x55)cm (trong quá trình vận chuyển đã được tháo rời các chi tiết máy dẫn đến không hoạt động được, không kiểm tra số lượng các chi tiết và chất lượng bên trong máy); 01 máy nổ, màu xanh, kích thước (47x77x55)cm (trong quá trình vận chuyển đã được tháo rời các chi tiết máy dẫn đến không hoạt động được, không kiểm tra số lượng các chi tiết và chất lượng bên trong máy), xét thấy Cơ quan An ninh điều tra đã tách hành vi “Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên” của Lê Văn T, Nguyễn Văn S, Lê Bá L, Nguyễn Quốc V và chuyển toàn bộ hồ sơ cùng vật chứng nêu trên đến Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường Công an thành phố Đà Nẵng để xử lý vi phạm hành chính là phù hợp.

[2.5] Về những vấn đề liên quan khác:

- Đối với Lê Bá L và Nguyễn Quốc V đã tham gia góp vốn cùng Lê Văn T, Nguyễn Văn S để khai thác khoáng sản vàng trái phép tại khu vực bãi Nà Cau, xã Lãnh N, thành phố Đ nhưng không biết, cũng không được Tám, Sự thông báo về việc tàng trữ, chế tạo, sử dụng trái phép vật liệu nổ trong quá trình khai thác nên không đồng phạm với Tám, Sự về tội “Chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu

nổ. Cơ quan An ninh điều tra không xử lý Lê Bá L, Nguyễn Quốc V về hành vi này là phù hợp.

- Đối với người đàn ông tên Tuấn đã bán cho Lê Văn T 02kg thuốc nổ anfo tự chế, người đã đem 02kg thuốc nổ đến quán nước giao cho Lê Văn T, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để xử lý là phù hợp.

- Đối với Nguyễn Văn T, Zơ Râm N, A Đ, A T là những người được Lê Văn T thuê đến bãi Nà Cau, xã Lảnh N, thành phố Đ để làm công, chỉ làm việc theo sự chỉ đạo, phân công của Nguyễn Văn S; không tham gia vào việc tàng trữ, chế tạo, sử dụng trái phép vật liệu nổ của Tám và Sự. Cơ quan An ninh điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với Lê Đình Tùng và các nhân công khác được Lê Văn T thuê đến bãi Nà Cau để làm việc, không tham gia, không liên quan đến hành vi chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ của Tám và Sự. Cơ quan An ninh điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với hành vi khai thác khoáng sản vàng trái phép của Lê Văn T, Lê Bá L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Quốc V, quá trình khai thác mới chỉ thu được 122kg quặng có tổng trị giá là 722.448 đồng, chưa thu được kim loại vàng. Tám, L, Sự, V chưa bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc bị kết án về tội này nên hành vi của Tám, L, Sự, V chưa đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên*” theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cơ quan An ninh điều tra đã tách hồ sơ và vật chứng có liên quan chuyển đến Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường Công an thành phố Đà Nẵng để xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Văn T, Nguyễn Văn S, Lê Bá L, Nguyễn Quốc V là phù hợp.

[2.6]: Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Văn S phạm tội “*Chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 305, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T **12** (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 12/9/2025).

Căn cứ khoản 1 Điều 305, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S **18** (mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 12/9/2025).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025*); Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên:

Tịch thu 02 thỏi hình trụ tròn (vỏ bằng ni lông màu trắng, bên ngoài quấn dây thun màu vàng); bên trong 02 thỏi chứa tổng khối lượng thuốc nổ tự chế dạng Anfo là 229,9gam và 02 kíp nổ điện; 1,34kg thuốc nổ tự chế dạng Anfo. Giao Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Đà Nẵng xử lý theo quy định. Vật chứng này hiện do Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Đà Nẵng quản lý.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A23, kiểu thiết bị: SM-A235F/DS, số seri: R58T42TJ60V của Nguyễn Văn S và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy S21 FE, màu đen, số seri: R5CT71E3RNZ của Lê Văn T.

Tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại số: 0948479144 và 0977507877.

Trả lại cho Lê Bá L 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7 Plus, số máy: NNQP2VN/A, số seri: FYMC3O2CHGO6, bên trong gắn sim số 0911540797; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A12, kiểu máy: CPH2077, số seri: E6HMZSKNC07H59HQ, bên trong gắn sim số 0983555661 và 01 điện thoại di động, màu đen, kiểu máy: Raisecom T189, số IMEI 1: 350585690257288, số IMEI 2: 350585690457334.

Các vật chứng này hiện do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 –Đà Nẵng quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 16/3/2026.

3. Về án phí: căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Văn S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 7 –Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thanh Hải

